



GT.0000027091

TS TRẦN THỊ MINH HUẾ

GIÁO TRÌNH

# PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

NGUYỄN  
HỌC LIÊU

071



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

---

TS. TRẦN THỊ MINH HUẾ

GIÁO TRÌNH  
PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH  
GIÁO DỤC MẦM NON

(Dùng trong đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Mầm non)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
NĂM 2017

**MÃ SỐ:**  $\frac{01 - 47}{ĐHTN - 2017}$

## LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình Phát triển chương trình giáo dục mầm non được biên soạn theo chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và đổi mới quá trình đào tạo của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Giáo trình được xây dựng theo cách tiếp cận sự phát triển nhân cách, hoạt động của trẻ và chương trình giáo dục cấp học mầm non hiện hành, những xu thế phát triển của chương trình giáo dục mầm non trên thế giới và xu thế phát triển giáo dục mầm non của Việt Nam hiện nay.

Giáo trình được cấu trúc thành 03 chương nội dung, tập trung vào những phẩm chất và năng lực cơ bản, cốt lõi mà sinh viên phải hình thành được theo tiếp cận chuẩn đầu ra của môn học. Cụ thể: Chương 1 - định hướng nội dung khái quát nhất về phát triển chương trình giáo dục mầm non; Chương 2 - tập trung vào vấn đề thiết kế và tổ chức các chương trình giáo dục cho trẻ, xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục để thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Chương 3 - tập trung vào vấn đề đánh giá thực hiện chương trình giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non.

Tôi hy vọng giáo trình là tài liệu hữu ích cho sinh viên và giảng viên giảng dạy ngành Giáo dục Mầm non, học viên cao học và các nhà nghiên cứu về giáo dục học mầm non, các bậc cha mẹ có con từ 0 đến 6 tuổi.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự tạo điều kiện của Ban Giám hiệu Nhà trường, sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học tham gia hội đồng thẩm định giáo trình, chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự góp ý về chuyên môn, học thuật và thực tiễn để lần tái bản có chất lượng tốt hơn.

Trân trọng!

*Tác giả*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN</b>	
<b>CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON</b> .....	6
1.1. Chương trình giáo dục mầm non .....	6
1.1.1. Khái niệm chương trình giáo dục .....	6
1.1.2. Khái niệm chương trình giáo dục mầm non .....	8
1.2. Khái niệm phát triển chương trình giáo dục mầm non .....	9
1.3. Cơ sở khoa học về phát triển chương trình giáo dục mầm non .....	11
1.3.1. Cơ sở lý luận về phát triển chương trình giáo dục mầm non .....	11
1.3.2. Thực tiễn phát triển chương trình giáo dục mầm non .....	34
1.3.3. Dự báo về xu hướng phát triển chương trình giáo dục mầm non ở Việt Nam .....	44
<b>CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG</b>	
<b>TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON</b> .....	48
2.1. Một số vấn đề về lập kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non ..	48
2.1.1. Khái niệm lập kế hoạch giáo dục mầm non .....	48
2.1.2. Phân loại kế hoạch giáo dục mầm non .....	50
2.1.3. Ý nghĩa của việc lập kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non .....	50
2.1.4. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non .....	52
2.2. Phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo năm học cho từng độ tuổi ....	55
2.2.1. Mục tiêu phát triển chương trình giáo dục nhà trường .....	55
2.2.2. Quy trình phát triển chương trình giáo dục nhà trường .....	55
2.3. Phát triển chương trình giáo dục theo tháng cho trẻ dưới 3 tuổi .....	62
2.3.1. Mục tiêu phát triển chương trình giáo dục theo tháng .....	62
2.3.2. Quy trình phát triển chương trình giáo dục theo tháng .....	62
2.4. Phát triển chương trình giáo dục theo chủ đề cho trẻ 3 đến 6 tuổi .....	68
2.4.1. Chủ đề giáo dục và phát triển chương trình giáo dục tích hợp theo chủ đề .....	68
2.4.2. Mục tiêu phát triển chương trình giáo dục theo chủ đề .....	70

2.4.3. Quy trình phát triển chương trình giáo dục theo chủ đề .....	70
2.4.4. Phát triển chương trình giáo dục theo sự kiện .....	86
2.4.5. Phát triển chương trình giáo dục theo chủ đề phát sinh .....	89
2.5. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục trong ngày .....	92
2.5.1. Những lưu ý khi lập kế hoạch .....	92
2.5.2. Cấu trúc kế hoạch .....	93
2.6. Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ .....	97
2.6.1. Quy trình xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục .....	97
2.7. Thiết kế và tổ chức môi trường giáo dục ở trường mầm non.....	99
2.7.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non .....	99
2.7.2. Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục ở trường mầm non .....	101
2.7.3. Thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động ở trường mầm non	103
<b>CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON .....</b>	<b>118</b>
3.1. Khái niệm, mục đích, ý nghĩa .....	118
3.1.1. Khái niệm .....	118
3.1.2. Mục đích của đánh giá .....	119
3.1.3. Ý nghĩa của đánh giá .....	120
3.2. Nội dung đánh giá .....	120
3.2.1. Đánh giá sự phát triển của trẻ.....	121
3.2.2. Đánh giá việc tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của giáo viên .....	124
3.2.3. Đánh giá hoạt động quản lí nhà trường .....	125
3.2.4. Đánh giá cơ sở vật chất của trường mầm non .....	126
3.3. Phương pháp đánh giá .....	127
3.4. Hình thức đánh giá .....	128
Phụ lục 1. Kế hoạch năm học (Mẫu giáo 5-6 tuổi) .....	130
Phụ lục 2. Xây dựng kế hoạch giờ học và chủ đề .....	154
Phụ lục 3. Kế hoạch theo các giờ sinh hoạt.....	156
Phụ lục 4. Kế hoạch tổ chức hoạt động có chủ đích .....	161

# Chương 1

---

## NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

### 1.1. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

#### 1.1.1. Khái niệm chương trình giáo dục

Thuật ngữ chương trình giáo dục (curriculum) đã xuất hiện từ năm 1820 nhưng sang những năm 20 của thế kỉ XX, ở Mĩ mới bắt đầu có những cuộc thảo luận về chương trình; đặc biệt từ cuối những năm 50, vấn đề chương trình và lí luận chương trình trở thành trung tâm chủ ý của khoa học giáo dục Mĩ, của các nước nói tiếng Anh, sau đó lan sang khu vực các nước nói tiếng Đức, tiếng Pháp...

Theo Phenix (1962), chương trình bao gồm toàn bộ kiến thức do các môn học cung cấp. Hilda Taba (1962) định nghĩa chương trình học là một bản kế hoạch học tập, gồm 4 yếu tố: 1) Tuyên bố mục đích và mục tiêu cụ thể; 2) Lựa chọn và cấu trúc nội dung; 3) Các chiến lược giảng dạy, cách học phù hợp và 4) Hệ thống đánh giá kết quả học tập.

Theo Tanner (1975), chương trình là các kinh nghiệm (experiences) học tập được hướng dẫn và kế hoạch hoá, với các kết quả học tập được xác định trước và hình thành thông qua việc thiết lập kiến thức và kinh nghiệm một cách có hệ thống dưới sự hướng dẫn của nhà trường nhằm tạo ra cho người học sự phát triển liên tục về năng lực xã hội, năng lực cá nhân. Tác giả Albert, I. Oliver cho rằng chương trình bao gồm 4 yếu tố cơ bản: *Các môn học; các hoạt động, kinh nghiệm học tập; các dịch vụ và hoạt động "ẩn"*. Các môn học, hoạt động, kinh nghiệm học và các dịch vụ là những phần hiển nhiên của chương trình, khái niệm hoạt động "ẩn" là những giá trị văn hoá tổ chức của nhà trường, xã hội v.v...

Tác giả Ronald C.Doll (1996) cho rằng: “Chương trình giáo dục của nhà trường là nội dung giáo dục và các hoạt động chính thức và không chính thức; quá trình triển khai nội dung hoạt động, thông qua đó người học thu nhận được kiến thức và sự hiểu biết, phát triển các kỹ năng, thái độ, tình cảm và các giá trị đạo đức dưới sự tổ chức của nhà trường”. Theo White (1995), chương trình là một kế hoạch giáo dục phản ánh các mục tiêu giáo dục, đào tạo mà nhà trường theo đuổi. Bản kế hoạch đó cho biết nội dung, phương pháp dạy và học cần thiết để đạt được mục tiêu đề ra.

Tim Wentling (1993) định nghĩa: “Chương trình là bản thiết kế tổng thể cho một hoạt động đào tạo. Hoạt động đó có thể là một khoá học trong thời gian vài giờ, một ngày, một tuần hoặc vài năm. Bản thiết kế tổng thể đó cho ta biết nội dung cần đào tạo, chỉ rõ những gì có thể kỳ vọng ở người học sau khi kết thúc khoá học, phác họa qui trình thực hiện nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo và cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và toàn bộ các vấn đề của bản thiết kế này được sắp xếp theo một thời gian biểu chặt chẽ”.

Có cùng quan điểm, tác giả RaphTyler cho rằng chương trình gồm 4 yếu tố cơ bản: 1) Mục tiêu đào tạo; 2) Nội dung đào tạo; 3) Phương pháp hay qui trình đào tạo và 4) Đánh giá kết quả đào tạo.

Theo Portelli (1987), đã có hơn 120 định nghĩa về chương trình trong các tài liệu chuyên ngành về chương trình giáo dục.

Chúng tôi cho rằng: Chương trình giáo dục là sự trình bày có hệ thống một kế hoạch tổng thể các hoạt động giáo dục được tổ chức trong một môi trường sư phạm, trong một thời gian xác định, trong đó nêu lên các mục tiêu học tập mà người học cần đạt được, xác định rõ phạm vi, mức độ nội dung giáo dục, các phương pháp, phương tiện, cách thức tổ chức, cách thức đánh giá kết quả giáo dục cũng như những điều kiện nhằm đạt được các mục tiêu giáo dục đã đề ra.



### 1.1.2. Khái niệm chương trình giáo dục mầm non

Chương trình giáo dục mầm non là sự trình bày có hệ thống một kế hoạch tổng thể các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ từ 3 tháng đến 6 tuổi được tổ chức trong cơ sở giáo dục mầm non trong một thời gian xác định, trong đó nêu lên các mục tiêu trẻ mầm non cần đạt được, xác định rõ phạm vi, mức độ nội dung giáo dục, các phương pháp, phương tiện, cách thức tổ chức, cách thức đánh giá kết quả chăm sóc, giáo dục cũng như những điều kiện nhằm đạt được các mục tiêu giáo dục mầm non đã đề ra.

Chương trình giáo dục mầm non là đề cương về kế hoạch hành động sự phạm tác động trên trẻ mầm non gồm những thành tố mục tiêu giáo dục, nội dung, phương pháp, các hoạt động giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục và các điều kiện để thực hiện chương trình. Những thành tố cơ bản cấu thành chương trình có quan hệ chặt chẽ và ảnh hưởng lẫn nhau. Chương trình cung cấp những định hướng chăm sóc, giáo dục trẻ cơ bản nhất cho giáo viên và nhà quản lý giáo dục mầm non. Chương trình gồm nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và những hoạt động diễn ra trong và ngoài lớp suốt thời gian trẻ ở trường và sự phối hợp với gia đình, xã hội. Chương trình vừa mang tính hoạch định theo kế hoạch của người lớn, vừa mang tính tự chọn theo nhu cầu, hứng thú của trẻ.

Các cấp độ của chương trình giáo dục mầm non:

Ở cấp độ rộng nhất là chương trình giáo dục mầm non của quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Cấp độ thứ hai là chương trình giáo dục mầm non của từng địa phương (chương trình giáo dục mầm non của sở, phòng giáo dục gắn với những đặc thù địa phương).

Cấp độ thứ ba là chương trình giáo dục của nhà trường gắn với đặc thù môi trường và điều kiện giáo dục, những yếu tố bản sắc riêng của trường mầm non.

Cấp độ thứ tư là chương trình giáo dục của từng độ tuổi gắn với các lĩnh vực giáo dục phát triển theo độ tuổi; chương trình giáo dục theo tháng/chủ đề, theo tuần, theo ngày; chương trình của hoạt động giáo dục. Căn cứ vào cách

xác định chương trình giáo dục như trên, chương trình giáo dục mầm non có chủ thể quản lý phát triển và thực hiện bao gồm:

STT	Tên chương trình	Chủ thể trực tiếp	
		Quản lý	Tổ chức thực hiện
1	Chương trình giáo dục mầm non quốc gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Vụ Giáo dục Mầm non
2	Chương trình giáo dục mầm non địa phương	Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng
3	Chương trình giáo dục nhà trường	Hiệu trưởng	Tổ trưởng chuyên môn
4	Chương trình giáo dục của nhóm/lớp theo tháng/chủ đề/tuần/ngày/hoạt động giáo dục	Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên

## 1.2. KHÁI NIỆM PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

Thuật ngữ phát triển chương trình (curriculum development) có khi được hiểu là *làm chương trình* (curriculum making) hay *thiết kế chương trình, xây dựng chương trình* (curriculum design).

*Phát triển chương trình giáo dục mầm non* là một quá trình liên tục điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, làm mới toàn bộ hoặc một số thành tố của chương trình giáo dục mầm non, bảo đảm khả năng phát triển và ổn định tương đối của chương trình đã có, làm cho việc triển khai chương trình theo mục tiêu giáo dục đặt ra đạt được hiệu quả tốt nhất, phù hợp với đặc điểm và nhu cầu phát triển của xã hội và phát triển của cá nhân trẻ. Phát triển chương trình giáo dục mầm non bao gồm xây dựng chương trình, tổ chức thực hiện, đánh giá, chỉnh sửa và hoàn thiện chương trình.

Quá trình phát triển chương trình giáo dục mầm non trong thực tiễn được thực hiện ở 4 cấp độ:

*Cấp độ thứ nhất*, phát triển chương trình giáo dục mầm non là quá trình nghiên cứu, thiết kế, xây dựng và quản lý thực hiện chương trình giáo dục mới thay thế cho chương trình giáo dục cũ, không còn phù hợp và không đáp ứng được yêu cầu giáo dục mầm non trong thực tiễn đất nước và xu thế phát triển giáo dục của thế giới. Kết quả của quá trình phát triển chương trình ở cấp độ này sẽ tạo ra một chương trình giáo dục tổng thể do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho cấp học mầm non của quốc gia. Chương trình giáo dục tổng thể cung cấp những nội dung cốt lõi, chuẩn mực, tương đối ổn định theo thời gian, là chương trình khung có tính chất bắt buộc thực hiện đối với các cơ sở giáo dục mầm non trong cả nước.

*Cấp độ thứ hai*, phát triển chương trình giáo dục mầm non được hiểu là từ chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, từng địa phương (Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo) nghiên cứu, thiết kế, xây dựng và quản lý thực hiện chương trình giáo dục chi tiết, cụ thể, phù hợp với thực tiễn địa phương.

*Cấp độ thứ ba*, phát triển chương trình giáo dục mầm non được hiểu là từ chương trình giáo dục mầm non địa phương (Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo) nhà trường nghiên cứu, thiết kế, xây dựng và quản lý thực hiện chương trình giáo dục chi tiết, cụ thể, phù hợp với thực tiễn môi trường và điều kiện giáo dục của nhà trường – gọi là chương trình giáo dục nhà trường. Chương trình giáo dục nhà trường đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục chung đề ra, đáp ứng nhu cầu giáo dục mầm non của địa phương và tiếp cận được với xu thế phát triển của giáo dục mầm non song chứa đựng và thể hiện triết lý riêng của nhà trường, gắn với điều kiện giáo dục của nhà trường. Theo OECD (1979), "Phát triển chương trình nhà trường là một quá trình trên cơ sở các hoạt động bên trong nhà trường hoặc trên cơ sở nhu cầu của nhà trường trong việc thực thi chương trình giáo dục nhằm tạo ra sự phân quyền, trách nhiệm và sự kiểm soát giữa chính quyền trung ương và địa phương để nhà trường có được quyền tự chủ hợp pháp về hành chính, nghề nghiệp để có thể tự quản lý quá trình phát triển chương trình".

*Cấp độ thứ tư*, phát triển chương trình giáo dục mầm non được hiểu là từ chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ ở một lớp học ở một độ tuổi cụ thể theo *năm học* (cụ thể hóa thành chương trình giáo dục *theo tháng* đối với trẻ dưới 3 tuổi và chương trình giáo dục *theo chủ đề* đối với trẻ 3 đến 6 tuổi); *một tuần*; chương trình giáo dục theo *một ngày* hay *một hoạt động giáo dục cụ thể*). Công tác phát triển chương trình ở cấp độ này yêu cầu giáo viên phải xác định được mục tiêu giáo dục cần đạt; lựa chọn nội dung cụ thể của chủ đề giáo dục để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chủ đề giáo dục cho từng thời điểm thích hợp với những nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện của lớp và nhu cầu, hứng thú, vốn kinh nghiệm và khả năng hiện có của trẻ; phát triển chương trình hoạt động giáo dục cụ thể là sự điều chỉnh, bổ sung, thay đổi chương trình hoạt động của trẻ dựa trên kết quả quan sát, đánh giá trẻ trong các hoạt động hàng ngày. Chương trình ở đây được hiểu là tất cả những gì diễn ra trong thời gian giáo viên làm việc cùng trẻ. Chất lượng phát triển chương trình ở cấp độ 4 phụ thuộc trực tiếp vào năng lực phát triển chương trình giáo dục của giáo viên mầm non.

Dù tiếp cận khái niệm phát triển chương trình ở cấp độ khác nhau nhưng phát triển chương trình luôn được hiểu là một quá trình liên tục, kết quả của nó là tạo ra một chương trình giáo dục tối ưu hơn, hoàn thiện hơn so với chương trình hiện hành. Chương trình mới này đáp ứng được tốt hơn những yêu cầu phát triển của trẻ.

### 1.3. CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

#### 1.3.1. Cơ sở lý luận về phát triển chương trình giáo dục mầm non

##### 1.3.1.1. Các học thuyết cơ bản về trẻ em

###### a. Học thuyết xã hội, văn hóa của L.S Vygótsky

L.S Vygótsky cho rằng trẻ em tự cấu trúc nhận thức của mình và ông tin vào khả năng bên trong của trẻ đối với việc học; tương tác xã hội trong các quan hệ gia đình, trường học, cộng đồng và văn hóa đóng vai trò quan trọng

đối với việc học và sự phát triển của cấu trúc nhận thức; ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển cơ thể và tâm lí của trẻ.

Sự phát triển của trẻ vừa là kết quả của quá trình trẻ hòa nhập vào môi trường văn hóa, vừa thể hiện quá trình trẻ lĩnh hội kinh nghiệm từ môi trường văn hóa. Người lớn và giáo viên đóng vai trò trung gian hướng dẫn và ủng hộ trẻ; hiểu trẻ, đón trước sự phát triển của trẻ, có kỹ năng và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp để phát triển nhân cách. Học thuyết này nhấn mạnh đến những bối cảnh xã hội hiện tại đối với việc học tập và nhận thức, cũng như vai trò của văn hóa trong sự phát triển của trẻ.

#### *b. Học thuyết tâm lí xã hội của Erik Erikson (1963)*

Erik Erikson bằng các nghiên cứu của mình đã khẳng định sự hình thành và phát triển nhân cách trẻ trong 8 năm đầu đời chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi môi trường xã hội, ở gia đình và nhà trường. Cách giao tiếp và ứng xử của người lớn ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ. Nếu trẻ sống trong môi trường xã hội không thuận lợi, thay vì trẻ phát triển tinh tin cậy, độc lập, óc sáng kiến, trẻ sẽ mất niềm tin, nghi ngờ và luôn mắc lỗi, do vậy, giáo viên cần nhạy cảm, làm gương cho trẻ noi theo và giúp trẻ kiểm chế hành vi không phù hợp.

Ông cũng đề xướng những yêu cầu đối với lớp học chuẩn mực đó là: Trẻ càng nhỏ tuổi thì tỉ lệ giáo viên càng thấp vì trẻ nhỏ cần sự ôm ấp, yêu thương, chăm sóc thương xuyên của người lớn, đó là điều kiện quan trọng cho sự phát triển cảm giác an toàn, tin cậy ở trẻ và là cơ sở phát triển tinh cảm, xã hội ban đầu; Cung cấp nhiều cơ hội cho trẻ để trẻ tự lựa chọn các hoạt động chơi, các vật liệu chơi và bạn chơi, từ đó phát triển tính độc lập, chủ động; Cung cấp nhiều cơ hội và thời gian đủ để cho trẻ khám phá, lên kế hoạch và thực hiện các giai đoạn chơi sẽ phát triển tính sáng tạo và nảy sinh những ý tưởng chơi mới.

#### *c. Học thuyết hành vi của B.F. Skinner (1953) và Albert Bandura (1963)*

Học thuyết hành vi cho rằng bản chất của việc học ở trẻ nhỏ là thông qua sự bắt chước và quan sát người khác. Trẻ học hành vi mới bằng cách bắt chước bạn là những trẻ đang có hành vi đúng đắn đồng thời, quan sát bạn đang bị phạt vì hành vi không phù hợp để tự điều chỉnh mình. Skinner cho rằng các yếu tố

quan trọng trong phát triển nhân cách cho trẻ là tổ chức môi trường và tạo ra các tình huống giáo dục. Việc học diễn ra liên tục là kết quả của sự kích lệ trong môi trường. Những lời khen ngợi trẻ nhỏ đối với hành vi thích hợp sẽ có hiệu quả tốt hơn sự trừng phạt trẻ hoặc cấm đoán hành vi không mong muốn ở trẻ. Do đó, cha mẹ và giáo viên cần coi trọng và khen ngợi các hành vi đúng của trẻ. Ông còn phê phán lớp học truyền thống áp đặt mục đích của xã hội, của giáo viên là chính mà không quan tâm đến nhu cầu của trẻ em.

#### *d. Học thuyết phát triển nhận thức của Jean Piaget (1963)*

Học thuyết của J. Piaget thừa nhận trẻ nhỏ có vai trò tích cực trong sự phát triển nhận thức của mình thông qua quá trình giao tiếp tích cực với môi trường vật chất và môi trường xã hội. Ông chia quá trình phát triển nhận thức của con người thành 4 giai đoạn, trong đó nhấn mạnh hai giai đoạn quan trọng là giai đoạn giác động (nhà trẻ) và giai đoạn tiền thao tác (mẫu giáo). Ở lứa tuổi mẫu giáo, trẻ đã chuyển từ kiểu tư duy trực quan hành động sang kiểu tư duy trực quan hình tượng nên chơi là hình thức cơ bản giúp trẻ phát triển. Ông cho rằng tri thức nảy sinh từ hoạt động và nhấn mạnh: Nhà trường mới yêu cầu hoạt động thực sự, lao động hồn nhiên, xây dựng trên nhu cầu, hứng thú cá nhân nhưng không phải là để trẻ em muốn làm gì thì làm. Hoạt động cùng nhau, hợp tác giữa thầy và trò, hợp tác giữa trò và trò, hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm có tác dụng to lớn trong phát triển trí thông minh nói riêng, giúp trẻ phát triển toàn diện nhân cách nói chung.

Đóng góp quan trọng nhất của học thuyết là giúp các bậc cha mẹ và giáo viên hiểu rằng trẻ em là người học tích cực, sự suy nghĩ của trẻ nhỏ về cơ bản khác người lớn; các quá trình suy nghĩ của trẻ nhỏ chịu ảnh hưởng của các giai đoạn phát triển nhận thức và những kinh nghiệm trước đó của trẻ ở gia đình và trường mầm non; người lớn không thể nôn nóng thúc đẩy sự phát triển đó mà cần để nó phát triển theo trình tự riêng. Việc đánh giá sự phát triển trí tuệ của trẻ không chỉ dựa vào sự trả lời của trẻ đối với câu hỏi trắc nghiệm; các nhà giáo dục cần cho phép trẻ có nhiều cơ hội và thời gian để khám phá, thí nghiệm, thao tác với các vật liệu; vai trò của giáo viên và người lớn là khai thác các tình huống và vật liệu trong môi trường; cung cấp vật liệu và thách thức

cũng như khơi gợi các ý tưởng, khuyến khích trẻ chơi qua đó kích thích sự tư duy và sự giao tiếp ứng xử của trẻ.

#### *e. Học thuyết sinh thái của U. Bronfenbrenner (1979)*

Học thuyết sinh thái nghiên cứu về môi trường sinh thái người và các mối quan hệ qua lại của môi trường xung quanh một người đang trưởng thành. Đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ, môi trường trực tiếp trong đó những mối quan hệ của trẻ với gia đình, trường mầm non và bạn bè rất quan trọng.

Các học thuyết trên đã đưa ra sự giải thích về quá trình học và về cách thức chiếm lĩnh tri thức của trẻ mầm non, giúp các nhà nghiên cứu trẻ em vận dụng để xây dựng chương trình giáo dục đáp ứng nhu cầu và đặc điểm phát triển của trẻ.

#### **1.3.1.2. Đặc điểm phát triển của trẻ mầm non**

*Những đặc điểm chung:* Trẻ em lớn khôn thông qua quá trình tăng trưởng và phát triển; Mọi trẻ em đều tuân theo một sơ đồ với những giai đoạn tăng trưởng, phát triển nhất định về mặt cơ thể, tâm lý và xã hội; Sự tăng trưởng, phát triển của trẻ được coi là bình thường khi xoay quanh một giá trị trung bình nằm trong một phạm vi có giới hạn thuộc số đông của nhóm đối chiếu; Mỗi trẻ có những đặc điểm cá biệt trong quá trình tăng trưởng và phát triển; Sự hình thành năng lực mới của trẻ chỉ được thực hiện khi có nhu cầu thôi thúc: Trẻ có nhu cầu cơ bản là được yêu mến, an toàn, chấp nhận trong gia đình, cộng đồng và nhu cầu được chơi, tìm hiểu môi trường xung quanh, bộc lộ suy nghĩ, tình cảm; Sự tăng trưởng, phát triển của trẻ có tính nhanh, nhạy và mềm dẻo.

#### *Đặc điểm phát triển của trẻ dưới 3 tuổi (tuổi nhà trẻ)*

Về thể chất: Chiều dài cơ thể khi mới sinh khoảng 50 cm đến cuối năm thứ 3 đạt khoảng 93-94 cm; cân nặng khi mới sinh khoảng 3 đến 3,5 kg, đến cuối năm thứ 3 trẻ nặng khoảng 14 đến 15 kg; trẻ nhanh chóng chiếm lĩnh và điều khiển được các vận động như lẫy, bò, cuối năm đầu có thể tự đi; năm thứ 2 và 3 có thể hình thành các vận động nâng cao như chạy nhảy, leo trèo, bò,

trườn qua chướng ngại vật... Não trẻ sơ sinh nặng 370 đến 390g, chiếm 12 đến 13% trọng lượng cơ thể, phát triển nhanh trong năm đầu, đến 1 tuổi trọng lượng não tăng gấp đôi khi mới sinh; hoạt động của hệ thống tín hiệu thứ nhất chiếm ưu thế, từ giữa tuổi thứ hai trở đi, sự hình thành của ngôn ngữ giúp trẻ sử dụng hệ thống tín hiệu thứ hai, trẻ có xu hướng biểu đạt mong muốn, nhu cầu bằng lời nói.

Về tâm lý: Khi mới sinh, trẻ chưa có khả năng nhận thức, hầu hết các phản xạ là phản xạ không điều kiện. Đến tháng thứ 3, trẻ có thể nhận biết được các âm thanh, dần dần trẻ so sánh, phân biệt được các đồ vật khác nhau; trẻ biết tư duy, suy luận đơn giản khi đến năm thứ 3. Ngôn ngữ cũng phát triển mạnh, một tuổi, trẻ bắt đầu tập nói và chỉ nói được một vài từ đơn giản thì đến cuối năm thứ ba, vốn từ của trẻ có thể đạt khoảng 1200 đến 1300 từ, trẻ biết sử dụng vốn từ phù hợp trong các hoàn cảnh giao tiếp. Đời sống tình cảm của trẻ được hình thành (hai tháng, xuất hiện những phức cảm hơn hờ; được 3 tuổi, trẻ đã có tất cả những trạng thái khác nhau của con người: Buồn, vui, yêu, ghét...). Về quan hệ xã hội, từ chỗ mối quan hệ của trẻ chỉ giới hạn trong gia đình đến chỗ mở rộng với các bạn cùng nhóm lớp, cô giáo ở trường mầm non.

Trẻ 0 đến 12 tháng tuổi có nhu cầu được giao lưu trực tiếp với người lớn, được yêu mến, an toàn, chấp nhận trong gia đình và cộng đồng; hoạt động chủ đạo là hoạt động giao lưu xúc cảm trực tiếp. Trẻ 12 đến 36 tháng tuổi có nhu cầu hoạt động với đồ vật, tìm hiểu môi trường xung quanh, chơi và bộc lộ tình cảm, thái độ với người thân, bạn bè; hoạt động chủ đạo là hoạt động với đồ vật.

Từ 2,5 đến 3 tuổi, với sự xuất hiện của cái tôi cá nhân, trẻ bắt đầu hình thành tự ý thức – yếu tố đầu tiên khẳng định tính xã hội, tính chủ thể của con người, nhân cách bắt đầu hình thành.

#### *Đặc điểm phát triển của trẻ từ 3 đến 6 tuổi (tuổi mẫu giáo)*

Về thể chất: Cơ thể của trẻ phát triển mạnh tuy nhiên sự tăng trưởng có phần chậm hơn so với tuổi nhà trẻ và có sự phát triển không đồng đều.



Thể tạng: Đến cuối độ tuổi, trẻ trai, cân nặng từ 16,0 đến 26,6kg; chiều cao từ 106,4 đến 125,8cm; Trẻ gái, cân nặng từ 15,0 đến 26,2kg; chiều cao từ 104,8 đến 124,5cm. Hệ xương đang cốt hoá nhanh xong còn mềm và có tính chất đàn hồi.

Hệ cơ: Cơ lớn phát triển mạnh nhưng cơ nhỏ chưa phát triển do đó trẻ thích những vận động mạnh, đối với vận động nhỏ đòi hỏi tỉ mỉ thì trẻ không thích và khó khăn khi thực hiện, cử chỉ vụng về, chưa chính xác.

Hệ tuần hoàn: Tim của trẻ nặng gấp 4 đến 5 lần khi mới sinh, mạch đập có chậm đi so với lúc mới sinh nhưng vẫn nhanh hơn so với người lớn vì thể trẻ dễ xúc động mạnh, dễ bị mệt khi tham gia các hoạt động.

Não nặng gấp 3 lần so với lúc mới sinh, hầu hết các dây thần kinh đều được myelin hoá... kích thước của não tăng lên, các tế bào tiếp tục phân hoá, hoạt động của hệ thần kinh phát triển mạnh do đó các phân xạ có điều kiện được hình thành nhanh chóng, chức năng điều khiển của vỏ bán cầu đại não tăng lên so với trung khu dưới vỏ, vì thế trẻ có khả năng kiểm chế, tự điều chỉnh lời nói và hành vi.

Hoạt động của hai hệ thống tín hiệu cũng có sự thay đổi đáng kể trong đó hệ thống tín hiệu thứ hai đã tăng lên rõ rệt, hệ thống tín hiệu thứ nhất vẫn chiếm ưu thế do đó ở tuổi mẫu giáo những kích thích trực tiếp vào giác quan dễ lôi cuốn sự tập trung chú ý, hứng thú, nhu cầu của trẻ.

Về tâm lí: Những cấu tạo tâm lí đặc trưng của con người đã được hình thành trước đây tiếp tục phát triển mạnh. Với sự giáo dục của người lớn, các chức năng tâm lý được phát triển, hình thành cơ sở ban đầu của nhân cách.

*Ngôn ngữ.* Trong suốt lứa tuổi mẫu giáo, ngôn ngữ của trẻ tiếp tục phát triển mạnh: Ngữ âm hoàn thiện dần, vốn từ mở rộng, trẻ sử dụng tương đối đúng ngữ pháp tiếng mẹ đẻ để lĩnh hội nền văn hoá dân tộc, giao lưu với những người xung quanh, để tư duy. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo diễn ra trong mối quan hệ với sự phức tạp hoá hoạt động của trẻ và sự biến đổi các quan hệ với người xung quanh, đặc biệt là trong giao tiếp. Phạm vi, nội dung và đối tượng giao tiếp được mở rộng nên ngôn ngữ của trẻ có thêm những tri

thức phong phú, đa dạng và có tính tự chủ hơn tuổi nhà trẻ. Hơn nữa, việc phát triển ngôn ngữ của tuổi mẫu giáo có liên quan chặt chẽ đến sự phát triển tư duy, đặc biệt là kiểu tư duy trực quan hình tượng - kiểu tư duy bắt đầu có lập luận trong óc nên ngôn ngữ thực sự trở thành cơ sở cho các quá trình tâm lý, giúp cho đời sống tinh thần của trẻ phát triển lên một chất lượng mới. Trẻ mẫu giáo 5 đến 6 tuổi đã có khả năng hiểu ý nghĩa của các từ vựng thông dụng, phát âm gần đúng như phát âm của người lớn. Trẻ đã biết sử dụng ngữ điệu một cách phù hợp với nội dung giao tiếp hay nội dung chuyện kể. Trẻ thường sử dụng ngữ điệu êm ái để biểu hiện tình cảm yêu thương triu mến, ngược lại khi giận dữ trẻ dùng ngữ điệu thô và mạnh. Khả năng này được thể hiện khá rõ khi trẻ kể những câu chuyện mà trẻ thích cho người khác nghe.

Vốn từ của trẻ mẫu giáo tích lũy được khá phong phú, không chỉ về danh từ mà còn cả động từ, tính từ, liên từ... Kết thúc tuổi mẫu giáo, trẻ có khoảng 3000 đến 5000 từ, trong đó có nhiều từ khoa học. Trẻ nắm được vốn từ trong tiếng mẹ đẻ đủ để diễn đạt các mặt trong đời sống hàng ngày. Ngôn ngữ của trẻ thể hiện một trình độ phát triển tương đối cao, không những về phương diện ngôn ngữ mà cả về phương diện tư duy. Cuối tuổi mẫu giáo, trẻ đã nói cho người khác hình dung được những điều trẻ định mô tả mà không cần dựa vào tình huống cụ thể trước mắt. Kiểu ngôn ngữ này là ngôn ngữ ngữ cảnh mang tính rõ ràng, khúc chiết. Một kiểu ngôn ngữ khác cũng phát triển ở cuối độ tuổi mẫu giáo đó là kiểu ngôn ngữ giải thích, trẻ có nhu cầu giải thích cho các bạn cùng tuổi về nội dung trò chơi, cách tạo ra đồ chơi và nhiều chuyện khác. Ngôn ngữ giải thích yêu cầu phải có tính chặt chẽ và mạch lạc do đó còn gọi là ngôn ngữ mạch lạc, kiểu ngôn ngữ mạch lạc có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc hình thành những mối quan hệ qua lại trong nhóm trẻ và với những người xung quanh, đặc biệt là đối với sự phát triển trí tuệ. Nhìn chung, trẻ đã biết dùng ngữ điệu phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và đặc biệt là nói đúng hệ thống ngữ pháp phức tạp bao gồm những qui luật ngôn ngữ tinh vi nhất về phương diện cú pháp và phương diện tu từ, diễn đạt mạch lạc, thoải mái. Trẻ đã thực sự nắm được tiếng mẹ đẻ.

Tuy nhiên trong thực tế, không phải trẻ nào cũng đạt được những thành tựu về ngôn ngữ như trên. Vẫn còn trẻ phát âm sai (nói ngọng, nói lắp), dùng từ sai, nói trống không. Vì vậy, trẻ cần được uốn nắn kịp thời, học hỏi thêm ở trường, qua giao tiếp với người xung quanh để sử dụng tiếng mẹ đẻ mạch lạc, thành thạo, đúng và có văn hoá.

Trí nhớ: Năng lực ghi nhớ và nhớ lại của trẻ phát triển mạnh. Tuy vậy, trẻ thường ghi nhớ những gì trẻ thích và gây được ấn tượng mạnh mẽ rõ rệt, trí nhớ không chủ định vẫn chiếm ưu thế. Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy trẻ càng tích cực hoạt động với đồ vật bao nhiêu càng ghi nhớ tốt, sự ghi nhớ của trẻ mang tính trực quan hình tượng, những tài liệu trực quan trẻ được ghi nhớ tốt hơn so với tài liệu ghi bằng ngôn ngữ. Trẻ mẫu giáo ghi nhớ những kiến thức trẻ hiểu tốt hơn ghi nhớ máy móc, tuy nhiên ghi nhớ máy móc ở lứa tuổi này chiếm vai trò quan trọng. Trẻ mẫu giáo 5 đến 6 tuổi bên cạnh trí nhớ hình tượng đã hình thành trí nhớ khái quát tuy sự khái quát này mới chỉ dựa vào dấu hiệu bên ngoài của sự vật. Ghi nhớ có chủ định bắt đầu được hình thành và được tăng tiến rõ rệt có vai trò quan trọng để trẻ kiên trì theo đuổi mục đích học tập, quyết định chất lượng ghi nhớ tài liệu học tập sau này của trẻ.

Tư duy: Ở tuổi mẫu giáo, tư duy trực quan hình tượng phát triển mạnh và chiếm ưu thế đã trẻ giúp giải quyết được bài toán thực tiễn thường gặp trong cuộc sống. Đây được xem là một bước ngoặt cơ bản, đó là sự chuyển tư duy từ bình diện bên ngoài vào bình diện bên trong theo cơ chế nhập tâm dựa vào những hình ảnh của sự vật và hiện tượng trong cuộc sống. Sở dĩ có sự chuyển đổi này là do trẻ tích cực hoạt động với đồ vật, hoạt động đó được lặp lại nhiều lần lâu dần được nhập tâm thành những hình ảnh, biểu tượng tâm lý. Hơn nữa, việc này sinh hoạt động vui chơi mà trung tâm là trò chơi đóng vai theo chủ đề giúp trẻ hình thành chức năng kí hiệu tượng trưng có ý thức và đặc biệt ngôn ngữ phát triển là một nguyên nhân quan trọng thúc đẩy sự phát triển tư duy ở trẻ. Do nhu cầu nhận thức đang phát triển mạnh nên bên cạnh sự phát triển tư duy trực quan hình tượng vẫn mạnh mẽ như trước đây còn xuất hiện thêm một kiểu tư duy trực quan hình tượng mới phù hợp với khả năng và nhu cầu phát triển của trẻ, đó là kiểu tư duy trực quan sơ đồ. Kiểu tư duy này giúp trẻ lĩnh hội tri thức ở trình độ khái quát cao từ đó hiểu được bản chất của sự vật.

Sự phát triển tư duy làm cho trẻ đạt tới trình độ tư duy ở bình diện bên trong, giúp trẻ nhận thức được bản chất của sự vật hiện tượng, đây gọi là giai đoạn chuyển từ tư duy hình tượng lên một kiểu tư duy mới khác về chất là tư duy logic. Tư duy trực quan sơ đồ phát triển cao sẽ dẫn trẻ đến ngưỡng của tư duy trừu tượng giúp trẻ hiểu những biểu diễn sơ đồ khái quát mà sau này sự hình thành khái niệm sẽ được tiến hành dựa trên đó.

Những đặc điểm trên đã tạo điều kiện thuận lợi để trẻ cảm thụ tốt những hình tượng đẹp được xây dựng nên trong các tác phẩm nghệ thuật. Đồng thời, chúng cũng tạo ra những tiền đề cần thiết để làm nảy sinh những yếu tố ban đầu của tư duy trừu tượng ở trẻ.

Tưởng tượng: Trẻ mẫu giáo có trí tưởng tượng rất phong phú, trẻ tựa như tồn tại đồng thời trong hai thế giới: Thế giới thực tại và thế giới tưởng tượng riêng của trẻ được thể hiện trong các trò chơi đặc biệt là trò chơi đóng vai theo chủ đề, trong tranh vẽ và trong việc nghĩ ra truyện cổ tích, trong hoạt động tạo hình... Trí tưởng tượng của trẻ được hình thành chủ yếu trong các trò chơi, trong khi chơi trẻ hoạt động sôi nổi, hết mình và chủ động như chính cuộc sống thật của chúng. Với trí tưởng tượng, trẻ tích cực suy nghĩ, tìm tòi, mơ ước; nhờ có trí tưởng tượng trẻ có thể sống vô tư, trong sáng với tuổi thơ của mình. Trong hoạt động vui chơi, trí tưởng tượng được phát triển thêm một bước căn bản, chuyển từ bình diện bên ngoài vào bình diện bên trong. Nếu trước đây quá trình tưởng tượng của trẻ gắn liền với đồ chơi và hành động chơi, với tình huống chơi trước mắt thì bây giờ những vật thay thế cũng như trong hành động chơi không nhất thiết phải có, trẻ đã biết hình dung những cái đó trong hoạt động trí tuệ, biết xây dựng tình huống mới trong trí tưởng tượng của mình.

Cuối tuổi mẫu giáo, trí tưởng tượng có thể dựa vào những biểu tượng không giống nhau, thậm chí khác hẳn nhau để thay thế. Sự biến đổi hiện thực trong trí tưởng tượng của trẻ không chỉ diễn ra bằng cách kết hợp các biểu tượng mà còn diễn ra bằng cách gán cho các đối tượng những thuộc tính mà chúng không có.